

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai Quyết Định số 1514/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp thâm niên lần đầu đối với nhà giáo công tác đơn vị sự nghiệp công lập ngành GD&ĐT thành phố Chí Linh.

Thời gian: Vào lúc 14 giờ 15 phút , ngày tháng năm 2025

Địa điểm: Tại văn phòng trường Mầm non Sao Đỏ

Thành phần :

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1 Bà: Đào Thị Thúy Lan | Chức vụ : Hiệu trưởng |
| 2 Bà: Nguyễn Thị Đào | Chức vụ : Phó hiệu trưởng - CTCĐ |
| 3 Bà: Nguyễn Thị Huyền | Chức vụ : Phó hiệu trưởng |
| 4 Bà : Nguyễn Thị Thúy Hà | Chức vụ : GV - TT Tổ NT + ND |
| 5 Bà: Đỗ Thị Hường | Chức vụ : GV - TT Tổ mẫu giáo 4T |
| 6 Bà: Nguyễn Thị Hồng | Chức vụ : GV - TT Tổ mẫu giáo 3T |
| 7 Bà: Lê Thị Hồng | Chức vụ : GV - TT Tổ mẫu giáo 5T |
| 8 Bà: Đỗ Thị Dung | Chức vụ : Kế toán |
| 9 Bà: Vũ Thị Hồng Hạnh | Chức vụ : GV - PBT đoàn TN – Thư ký |
| 10 Bà: Vũ Thị Hoàng Phương | Chức vụ : GV - Trưởng ban TTND |
| 11 Bà: Nguyễn Thị Xen | Chức vụ : GV - TP Tổ mẫu giáo 4T |
| 12 Bà: Nguyễn Thị Kim Dung | Chức vụ : Giáo viên - Thủ quỹ |

Nội dung:

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo ngày 03 tháng 06 năm 2024 về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Căn cứ công văn số 505/PGDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2019 của phòng Giáo dục và đào tạo thành phố Chí Linh về việc thực hiện quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết Định số 1514/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp thâm niên lần đầu đối với nhà giáo công tác đơn vị sự nghiệp công lập ngành GD&ĐT thành phố Chí Linh.

Nhà trường đã tiến hành lập biên bản niêm yết công khai các nội dung trên
(Có Quyết định kèm theo)

Thời gian dán niêm yết từ ngày 11/4/2025 đến hết ngày 10/5/2025.

Trong thời gian công khai 30 ngày liên tục tại bảng tin của nhà trường.

Biên bản được lập xong vào hồi 14 giờ 40 phút cùng ngày. Các thành viên tham dự họp đều thống nhất thông qua và không có thêm ý kiến nào./.

THƯ KÝ



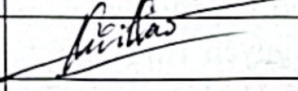
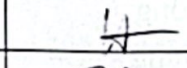
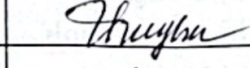
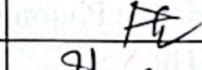
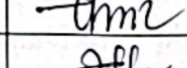
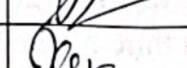
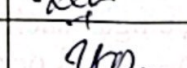
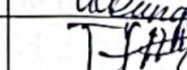
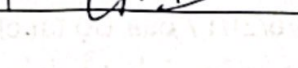
Vũ Thị Hồng Hạnh



HIỆU TRƯỞNG

Đào Thị Thúy Lan

CÁC THÀNH VIÊN THAM DỰ CUỘC HỌP

STT	Họ và tên	Chữ ký	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Đào		
2	Nguyễn Thị Huyền		
3	Nguyễn Thị Thúy Hà		
4	Đỗ Thị Hường		
5	Nguyễn Thị Hồng		
6	Lê Thị Hồng		
7	Đỗ Thị Dung		
8	Nguyễn Thị Xen		
9	Nguyễn Thị Kim Dung		
10	Vũ Thị Hoàng Phương		

Số: 1514/QĐ-UBND

Chí Linh, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp thâm niên lần đầu đối với nhà giáo công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành GD&ĐT thành phố Chí Linh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ Quy định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Căn cứ Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội thành phố Chí Linh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hưởng phụ cấp thâm niên lần đầu đối với nhà giáo công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Chí Linh. Tổng số: 89 người, trong đó: Khối Mầm non: 45 người; Khối Tiểu học: 33 người; Khối Trung học cơ sở: 11 người (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở thành phố Chí Linh căn cứ danh sách và thời gian được phê duyệt, quyết định hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo lần đầu đối với từng giáo viên theo phân cấp quản lý hiện hành.

Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo giao trong dự toán ngân sách của các đơn vị.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố; Trưởng các phòng: Nội vụ, GD&ĐT, Tài chính - Kế hoạch thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hưng



DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐƯỢC HƯỞNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO - KHỎI MÀM NON

(Kèm theo Quyết định số 1514 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh)

TT	Đơn vị	Họ và tên	Nam/ nữ	Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN hiện giữ	Mã hạng CDNN hiện giữ	Ngày, tháng năm tuyển dụng viên chức	Tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc tại vị trí giảng dạy, giáo dục (tính đến hết 31/3/2025)	Tổng số tháng, năm phải tập sự	Thời gian để tính hưởng PC thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng lần đầu	Thời gian hưởng PCTN lần đầu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	MN An Lạc	Mạc Thị Thanh Hoa	Nữ	02/04/1996	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
2	MN An Lạc	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	16/12/1995	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
3	MN Bắc An	Cao Thị Thêu	Nữ	29/09/1996	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/7/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
4	MN Bắc An	Trần Kim Phượng	Nữ	23/06/1992	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2024	8N10T	09T	8N1T	8%	01/4/2025	
5	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	11/09/1995	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	6N10T	06T	6N4T	6%	01/4/2025	
6	MN Chí Minh	Nguyễn Thị Thu	Nữ	28/06/1996	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2022	6N1T	09T	5N4T	5%	01/4/2025	
7	MN Chí Minh	Dương Thị Hiền	Nữ	18/09/1989	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
8	MN Chí Minh	Mạc Thị Hương	Nữ	12/08/1988	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N	06T	5N6T	5%	01/4/2025	
9	MN Chí Minh	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	19/08/1989	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N7T	06T	6N1T	6%	01/4/2025	
10	MN Chí Minh	Trương Thị Luận	Nữ	09/04/1988	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
11	MN Chí Minh	Vũ Thị Hương	Nữ	12/06/1985	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N6T	06T	6N	6%	01/4/2025	
12	MN Cổ Thành	Phạm Thị Thùy Dung	Nữ	07/08/1996	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	7N5T	06T	6N11T	6%	01/4/2025	
13	MN Cổ Thành	Trần Thị Hân	Nữ	22/04/1997	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	01/01/2022	6N9T	09T	6N	6%	01/4/2025	
14	MN Cộng Hòa	Hoàng Thị Hồng	Nữ	05/04/1994	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2022	6N11T	09T	6N2T	6%	01/4/2025	

T	Đơn vị	Họ và tên	Nam/ nữ	Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN hiện giữ	Mã hạng CDNN hiện giữ	Ngày, tháng năm tuyển dụng viên chức	Tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc tại vị trí giảng dạy, giáo dục (tính đến hết 31/3/2025)	Tổng số tháng, năm phải tập sự	Thời gian để tính hưởng PC thâm niên	Tỷ lệ (%) PC thâm niên được hưởng lần đầu	Thời gian hưởng PCTN lần đầu	Ghi chú
3	MN Phả Lại	Đào Thanh Hương Giang	Nữ	17/02/1989	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
4	MN Phả Lại	Đoàn Thị Liên	Nữ	23/09/1994	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
5	MN Phả Lại	Đồng Thị Lan	Nữ	05/11/1992	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
6	MN Phả Lại	Vũ-Thị Huế	Nữ	08/12/1990	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N 7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
7	MN Phả Lại	Đồng Thị Phương	Nữ	28/07/1990	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	01/01/2022	6N 7T	09T	5N 10T	5%	01/4/2025	
8	MN Phả Lại	Nguyễn Thị Lành	Nữ	23/06/1991	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	7N 2T	06T	6N 8T	6%	01/4/2025	
39	MN Phả Lại	Phạm Thị Thúy	Nữ	31/05/1984	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	6N 8T	06T	6N 2T	6%	01/4/2025	
40	MN Sao Đỏ	Nguyễn Thị Thương	Nữ	29/12/1992	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N2T	06T	5N8T	5%	01/4/2025	
41	MN Văn An	Trần Thị Huệ	Nữ	02/10/1987	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	6N7T	06T	6N1T	6%	01/4/2025	
42	MN Văn Đức	Trần Thị Nội	Nữ	08/08/1990	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
43	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Dung	Nữ	14/7/1987	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N1T	5%	01/4/2025	
44	MN Văn Đức	Nguyễn Thị Nga	Nữ	06/5/1982	Giáo viên MN hạng III	V.07.02.26	15/07/2020	5N7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	
45	MN Văn Đức	Mạc Thị Hoan	Nữ	22/12/1987	Giáo viên MN hạng II	V.07.02.25	15/07/2020	5N7T	06T	5N 1T	5%	01/4/2025	